TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18/8/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Huân và ông Lý A Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLST-HN&GĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lừ Thị T; sinh năm: 1993; địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Quàng Văn L; sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT: Bản P, xã Q, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; hiện nay đang chấp hành án tại đội 18, phân trại 1, Trại giam số 5, Cục C10, Bộ Công an; địa chỉ: Thị trấn Thống nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lừ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lừ Thị T và anh Quàng Văn L đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 06/4/2011. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được 10 năm sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, do anh L sử dụng ma túy nhiều lần khuyên can không được dẫn đến vợ chồng bất hòa. Nhiều lần hai bên gia đình nội ngoại đều khuyên can anh Lh, nhưng anh L không nghe mà ngày càng đi sâu vào con đường tệ nạn nghiện ma túy. Chính vì vậy

nên hiện tại anh Quàng Văn L đang phải chấp hành án tại Trại giam số 5, Cục C10, Bộ công an. Trong thời gian anh Lđi chấp hành án, chị T cũng không còn quan tâm gì đến anh L, vì chị T thấy quá mệt mỏi với cuộc hôn nhân này. Chị T cũng đã được Tòa án động viên chờ anh L đi cải tạo về thì hai vợ chồng cùng nhau làm lại và vun đắp hạnh phúc, tuy nhiên chị T không còn tình cảm với anh L, không thể kéo dài cuộc hôn nhân với anh L, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Lừ Thị T và anh Quàng Văn Lcó 02 con chung, cháu Quàng Phương L, sinh ngày 08/9/2011 và cháu Quàng Thị Hà M, sinh ngày 19/8/2013. Hiện tại các con đang ở với bố mẹ đẻ của anh L, khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 con cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Hiện nay thu nhập trung bình của chị T mỗi tháng 9.000.000đ và chị đã về nhà mẹ đẻ ở nên đảm bảo sau khi đón các con về sẽ đảm bảo cho các con có cuộc sống và học tập ổn định. Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Do hiện tại anh L đang đi chấp hành án nên khi nào anh L chấp hành án xong sẽ giải quyết bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị Lừ Thị T đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản tự khai ngày 21/02/2022 và các văn bản ghi ý kiến của anh Quàng Văn L có nội dung:

Về hôn nhân: Anh Quàng Văn L và chị Lừ Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 06/4/2011. Kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống với bố mẹ ở bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Từ lúc kết hôn cuộc sống vợ chồng vẫn vui vẻ hạnh phúc, chưa lời qua tiếng lại. Anh L có chơi bời nhưng anh L vẫn đi làm chăm lo cho vợ con trong ấm ngoài êm, anh L cũng chưa nghe vợ tôi đề nghị ly hôn bao giờ. Sau khi nhận được văn bản anh L đề nghị Tòa án xem xét kéo dài thời gian cho anh L, thời gian chấp hành án còn 13 tháng nữa (tháng 3/2023); vì anh L mong muốn các con mình có đầy đủ bố mẹ nên anh L không đồng ý ly hôn với chị Lừ Thị T.

Về con chung: Anh L và chị T có 02 người con chung, cháu thứ nhất là Quàng Phương L, sinh ngày 08/9/2011, cháu thứ hai là Quàng Thị Hà M, sinh ngày 19/8/2013, hiện tại đang ở bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên cùng với ông bà nội. Anh L đề nghị giao hai người con chung cho bố mẹ đẻ của anh L để chờ anh L đi chấp hành án xong về sẽ nuôi con. Anh L cho rằng, chị Trang sẽ không có điều kiện để nuôi các con. Không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Tại bản tự khai ngày 03/6/2022 anh L trình bày đã được tiếp nhận ý kiến và lời khai của chị Lừ Thị T về tài sản chung và nợ chung nhất trí với chị T giải quyết sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lừ Thị T, cho chị T ly hôn với anh Quàng Văn L; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Quàng Phương L, sinh ngày 08/9/2011, cháu Quàng Thị Hà M, sinh ngày 19/8/2013 cho chị Lừ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị T và anh L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên không đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý; sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Lừ Thị T với anh Quàng Văn L thì được xác định là vụ án yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện, anh Lanh có nơi ĐKHKTT tại bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho chị Lừ Thị T và anh Quàng Văn L đúng theo quy định tại Điều 175; Điều 177; Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 21/7/2022, anh L đã được Tòa án tống đạt văn bản hợp lệ nhưng vắng mặt không có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mở lại vào ngày 18/8/2022 chị T và anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh L không có đơn xin vắng mặt, còn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; do vậy Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa, việc đưa ra xét xử vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự vắng mặt và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lừ Thị T và anh Quàng Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 06/4/2011. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Nguyên nhân dẫn đến việc chị T xin ly hôn là do anh L sử dụng ma túy, nên đã khiến cho vợ chồng mâu thuẫn. Trong thời gian

anh L đi chấp hành án, chị T cũng không thăm thân đối với anh L vì chị T cho rằng chị không còn tình cảm với anh L. Mặc dù anh L mong muốn quay về đoàn tụ, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập chị T nhiều lần để lấy lời khai và động viên chị Tr chờ anh L chấp hành án xong quay về đoàn tụ. Tuy nhiên chị T cho rằng, do chị T và anh L đã không cùng chung sống trong thời gian dài, thiếu đi sự quan tâm chia sẻ hằng ngày của vợ chồng, hơn nữa dẫn đến vợ chồng tan vỡ như ngày hôm nay là lỗi do anh L sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn, bản thân chị T không còn tình cảm với anh L, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh L vì vậy giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Để đảm bảo khách quan về giải quyết hôn nhân của chị T và anh L, Tòa án đã tiến hành xác minh thì thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh L có mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do anh L sử dụng ma túy. Ngoài lời khai của chị T, quá trình xác minh còn có sự thừa nhận của anh L về việc anh L chơi bời hiện đang chấp hành án về tội ma túy. Do đó có thể thấy rằng, nguyên nhân dẫn đến rạn nứt giữa chị T và anh L là do anh L đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng mắc tệ nạn nghiện ma túy, trong cuộc sống không biết cố gắng để tránh xa tệ nạn xã hội, không cố gắng rèn luyện để là tấm gương cho các con, cùng chị T xây dựng kinh tế gia đình; do đó HĐXX thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh L không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, nên cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lừ Thị T, cho chị Lừ Thị T ly hôn với anh Quàng Văn L.

[3] Về con chung: Chị Lừ Thị T và anh Quàng Văn L có 02 người con chung, cháu Quàng Phương L, sinh ngày 08/9/2011, cháu thứ hai là Quàng Thị Hà M, sinh ngày 19/8/2013. Chị Lừ Thị T và anh Quàng Văn L đều có nguyện vọng nuôi con, các cháu L và M đều có nguyện vọng được ở với ông bà nội để chờ anh L đi chấp hành án về. Tuy nhiên HĐXX thấy tại thời điểm giải quyết ly hôn anh L đang chấp hành án, nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Việc anh L yêu cầu giao cháu L và cháu M cho bố mẹ đẻ của anh L nuôi dưỡng là không phù hợp với quy định của pháp luật, vì nghĩa vụ nuôi con chung là của bố mẹ, chỉ khi nào bố mẹ chết hoặc không đủ điều kiện nuôi con thì mới giao cho người thân thích khác nuôi dưỡng. Qua xác minh, chị T có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng hai con; đồng thời hai cháu L và M còn nhỏ lại là bé gái rất cần người mẹ sự quan tâm chăm sóc, giáo dục cả về thể chất lẫn tinh thần, tâm sinh lý giới tính lứa tuổi. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu L và M, HĐXX thấy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị Lừ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị T, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng; việc không yêu cầu cấp dưỡng, HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu L và cháu M, nên HĐXX không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy chị Lừ Thị T là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biết khó khăn và chị Trang đã có đơn đề nghị miễn án phí; nên chị T đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lừ Thị T được ly hôn với anh Quàng Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Lừ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Quàng Phương L, sinh ngày 08/9/2011 và Quàng Thị Hà M, sinh ngày 19/8/2013 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lừ Thị T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Quàng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Chị Lừ Thị T, anh Quàng Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, riêng: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lừ Thị T được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lừ Thị T, anh Quàng Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga